TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SY** **TỈNH QT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **259/**2023 /HNGĐ-ST.
Ngày 18/8/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chung và ông Phạm Tiến Hào.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh QT tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **MTN**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn ĐG, xã KT, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **TĐP**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn ĐG, xã KT, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị MTN trình bày:

Chị và anh TĐP qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện SY, tỉnh QT vào ngày 16/01/2014. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, hai vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh P đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị MTN xác định, chị và anh TĐP có 02 con chung là cháu Trần Bảo Trang, sinh ngày 08/02/2013 và cháu TĐH, sinh ngày 20/7/2018 hiện nay 02 cháu đang ở cùng chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con, vì anh P thường xuyên đi làm xa, vắng mặt tại địa phương, không đảm bảo các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Ng xác định, chị và anh P không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh TĐP đến để giải quyết vụ án nhưng anh P đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐG, xã KT, huyện SY, tỉnh QT. Theo cung cấp của đại diện thôn ĐG, xã KT, huyện SY thì việc chị Ng và anh P kết hôn với nhau như chị Ng đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Ng, anh P cư trú, sinh sống tại thôn ĐG, xã KT, huyện SY. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Hiện nay anh P đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương và liên lạc với gia đình, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh P biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Ng và anh P nhưng anh P không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị MTN xử cho chị MTN được ly hôn với anh TĐP.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Trần Bảo Trang, sinh ngày 08/02/2013 và cháu TĐH, sinh ngày 20/7/2018 cho chị MTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh TĐP không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị MTN xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị MTN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân (phô tô); Giấy khai sinh con chung (bản phô tô); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn ĐG, xã KT, huyện SY, tỉnh QT và Công an xã KT, huyện SY, tỉnh QT.

Chị MTN có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh TĐP không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị MTN và anh TĐP kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện SY, tỉnh QT là hôn nhân hợp pháp; chị Ng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh TĐP có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã KT, huyện SY, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh TĐP có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐG, xã KT, huyện SY, tỉnh QT. Anh P đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới cho địa phương và gia đình biết nên hiện không rõ anh P cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh P biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh P vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện SY đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh TĐP vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị Ng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện SY quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị MTN và anh TĐP kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện SY, tỉnh QT là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị MTN đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TĐP theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh P là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị Ng xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với anh P; cả hai bên đã không còn giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị MTN. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị MTN được ly hôn với anh TĐP.

[2.2] *Về con chung:*

Chị MTN và anh TĐP có hai con chung là cháu Trần Bảo Trang, sinh ngày 08/02/2013 và cháu TĐH, sinh ngày 20/7/2018, hiện nay các cháu đang ở cùng chị Ng, chị Ng đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, không đề nghị anh TĐP cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn ĐG, xã KT, huyện SY, thể hiện: Cháu Trần Bảo Trang và TĐH hiện đang ở chung với chị Ng, chị Ng có nhà và chỗ ở ổn định, đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt cũng như vật chất cho các con; chị Ng làm nghề lao động tự do và làm công nhân mức thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng – 9.000.000/tháng; trong suốt thời gian sống ly thân các cháu ở với chị Ng vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi. Đối với anh TĐP thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở ổn định, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh về nghề nghiệp, thu nhập của anh P, nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung; mặt khác ý kiến của con chung đủ 07 tuổi là cháu Trần

Bảo Trang có nguyện vọng được ở cùng chị Ng.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con chung và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao con chung là cháu Trần Bảo Trang và TĐH cho chị MTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù với nguyện vọng của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Ng không yêu cầu anh P cấp dưỡng, nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Ng xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị MTN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh TĐP không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị MTN với anh TĐP.

1. Về hôn nhân: Cho chị MTN được ly hôn với anh TĐP. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Trang, sinh ngày 08/02/2013 và cháu TĐH, sinh ngày 20/7/2018 cho chị MTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh TĐP không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị MTN phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006295, ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, chị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Anh TĐP không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã KT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Hà Thị Vinh – Lộc Thị Kim Thơm	**Vũ Mạnh Hồng**